

CHÍNH PHỦ
Số: 29/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Nghị định:

Chương I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh của lực lượng vũ trang, giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an quy định.
- Việc vận tải chất phóng xạ, chất nổ, vật liệu nổ công nghiệp trên đường thủy nội địa, ngoài việc thực hiện các quy định tại Nghị định này còn phải thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước

quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất nguy hiểm là những chất hoặc hợp chất ở dạng khí, dạng lỏng hoặc dạng rắn có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia.
2. Hàng hóa nguy hiểm là hàng hóa chứa chất nguy hiểm có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia khi được vận tải trên đường thủy nội địa.
3. Người vận tải hàng hóa nguy hiểm là tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện để vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
4. Người thuê vận tải hàng hóa nguy hiểm là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa với người vận tải.
5. Người gửi hàng hóa nguy hiểm là tổ chức, cá nhân có tên gửi hàng ghi trên giấy vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.
6. Người nhận hàng hóa nguy hiểm là tổ chức, cá nhân có tên nhận hàng ghi trên giấy vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.
7. Người xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm là tổ chức, cá nhân thực hiện việc xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm tại cảng, bến thủy nội địa.

Chương II

Hàng hóa nguy hiểm

Điều 4. Phân loại hàng hóa nguy hiểm

1. Căn cứ tính chất hóa học, lý học, hàng hóa nguy hiểm được phân thành 09 loại và các nhóm sau đây:

Loại 1: Chất nổ.

Nhóm 1.1: Chất nổ.

Nhóm 1.2: Vật liệu nổ công nghiệp.

Loại 2: Chất khí dễ cháy, độc hại.

Nhóm 2.1: Khí ga dễ cháy.

Nhóm 2.2: Khí ga độc hại.

Loại 3: Chất lỏng dễ cháy.

Loại 4: Chất rắn dễ cháy.

Nhóm 4.1: Chất đặc dễ cháy, chất tự phản ứng và chất nổ đặc khử nhạy.

Nhóm 4.2: Chất dễ tự bốc cháy.

Nhóm 4.3: Chất khi gặp nước tạo ra khí dễ cháy.

Loại 5: Chất oxy hóa.

Nhóm 5.1: Chất oxy hóa.

Nhóm 5.2: Hợp chất oxit hữu cơ.

Loại 6: Chất độc hại, lây nhiễm.

Nhóm 6.1: Chất độc hại.

Nhóm 6.2: Chất lây nhiễm.

Loại 7: Chất phóng xạ.

Loại 8: Chất ăn mòn.

Loại 9: Chất và hàng hóa nguy hiểm khác.

2. Bao bì, thùng chứa hàng hóa nguy hiểm chưa được làm sạch bên trong và bên ngoài sau khi đã lấy hết hàng hóa nguy hiểm cũng được coi là hàng hóa nguy hiểm tương ứng.

Điều 5. Danh mục hàng hóa nguy hiểm

1. Danh mục hàng hóa nguy hiểm được phân theo loại, nhóm; kèm theo mã số và số hiệu nguy hiểm của Liên hợp quốc quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Nghị định này.
2. Mức độ nguy hiểm của mỗi chất trong danh mục hàng hóa nguy hiểm được biểu thị bằng số hiệu nguy hiểm với một nhóm có từ 2 đến 3 chữ số quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Nghị định này.
3. Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nguy hiểm trên cơ sở đề nghị của các cơ quan được nêu tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 6. Đóng gói, bao bì, nhãn hàng, biểu trưng hàng hóa nguy hiểm và báo hiệu nguy hiểm

1. Hàng hóa nguy hiểm thuộc loại bắt buộc đóng gói thì phải được đóng gói trước khi vận tải trên đường thủy nội địa. Việc đóng gói hàng hóa nguy hiểm thực hiện theo tiêu chuẩn Việt Nam và các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Bao bì, thùng chứa hàng hóa nguy hiểm phải đúng tiêu chuẩn và dán biểu trưng hàng hóa nguy hiểm. Kích thước, ký hiệu, màu sắc biểu trưng hàng hóa nguy hiểm thực hiện theo quy định tại mục 1 Phụ lục số 3 kèm theo Nghị định này.

3. Việc ghi nhãn hàng hóa nguy hiểm thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm phải dán biểu trưng hàng hóa nguy hiểm. Nếu trên một phương tiện có nhiều loại hàng hóa nguy hiểm khác nhau thì phương tiện phải dán đủ các biểu trưng của các loại hàng hóa đó. Vị trí dán biểu trưng ở hai bên của phương tiện.

Báo hiệu nguy hiểm hình chữ nhật màu vàng cam, ở giữa có ghi số UN (mã số của Liên hợp quốc). Kích thước báo hiệu nguy hiểm quy định tại mục 2 Phụ lục số 3 kèm theo Nghị định này. Vị trí dán báo hiệu nguy hiểm ở bên dưới biểu trưng hàng hóa nguy hiểm.

Điều 7. Trách nhiệm xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định về hàng hóa nguy hiểm

Các cơ quan sau đây có trách nhiệm xây dựng, sửa đổi, bổ sung trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, tiêu chuẩn đóng gói, bao bì, thùng chứa hàng hóa nguy hiểm:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định về các loại thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y.

2. Bộ Y tế xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định về hóa chất độc dùng trong lĩnh vực y tế và hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng.

3. Bộ Thương mại xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định về các loại xăng, dầu, khí đốt.

4. Bộ Công nghiệp xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định về hóa chất nguy hiểm dùng trong sản xuất công nghiệp.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định về chất phóng xạ.
6. Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định về các hóa chất độc nguy hiểm còn lại trong các loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm.

Chương III

Vận tải hàng hóa nguy hiểm

Điều 8. Điều kiện của người tham gia vận tải hàng hóa nguy hiểm

1. Thuyền viên làm việc trên phương tiện chuyên dùng vận tải xăng, dầu, khí hóa lỏng, hóa chất phải được đào tạo và có chứng chỉ chuyên môn về vận tải hàng hóa nguy hiểm theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.
2. Thủ kho, người xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm tại cảng, bến thủy nội địa phải được tập huấn theo chương trình do Bộ Giao thông vận tải quy định.
3. Người áp tải, thủ kho, người xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm tại kho của chủ hàng trong cảng, bến thủy nội địa phải được tập huấn về hàng hóa nguy hiểm theo quy định của các cơ quan được nêu tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 9. Xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm

1. Người xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm phải thực hiện xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm theo quy định của các cơ quan được nêu tại Điều 7 Nghị định này.
2. Căn cứ quy định của cơ quan được nêu tại Điều 7 Nghị định này và chỉ dẫn của người gửi hàng, thuyền trưởng quyết định sơ đồ xếp hàng hóa nguy hiểm.

Việc xếp hàng hóa nguy hiểm trên phương tiện phải theo đúng sơ đồ do thuyền trưởng quyết định và được chèn lót, chằng buộc phù hợp tính chất của từng loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm. Không xếp chung các loại hàng hóa có thể tác động lẫn nhau, làm tăng mức độ nguy hiểm trong cùng một khoang hoặc một hầm hàng của phương tiện.

3. Việc xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm trong kho, bãi của cảng, bến thủy nội địa phải theo hướng dẫn của thủ kho. Căn cứ chỉ dẫn của người gửi hàng, thủ kho hướng dẫn, giám sát việc xếp, dỡ hàng hóa trong kho, bãi và chịu trách nhiệm trong thời gian hàng hóa nguy hiểm lưu tại kho, bãi của cảng, bến thủy nội địa.